

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HS-ST
Ngày 21-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST-QĐ ngày 05/5/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Bắc kỳ con), sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: thôn Y 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: sống lang thang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị M; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 28/3/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Bản án số 27/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N và bản án phúc thẩm số 142/2018/HSPT ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đến ngày 10/11/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 21/7/2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 theo Bản án số 215/2006/HSST ngày 21/7/2006 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội. Đến ngày 29/10/2006 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

+ Ngày 14/02/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 theo Bản án số 17/2012/HSST ngày 14/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện N. Đến ngày 24/10/2012 bị cáo chấp hành xong bản án.

+ Ngày 15/8/2013, bị cáo bị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng. Đến ngày 15/7/2017 bị cáo chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2020. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Bùi Thanh D, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Phan Duy L, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: khu phố Mỹ Khoan, thị trấn Hiệp Phước, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Hà T, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, sống lang thang. Vào lúc 03 giờ ngày 20/12/2020, H đi bộ đến dãy nhà trọ của ông Đỗ Tài M ở khu phố Mỹ Khoan, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai xem ai có sơ hở tài sản thì trộm cắp. Khi đến phòng trọ số 13 của anh Phan Duy L và chị Nguyễn Thị Hà T, H nhìn thấy cửa phòng không khóa nên len vào chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng của anh Phan Duy L đang để ở đầu giường gần cửa ra vào, khi H đang lấy điện thoại thì bị anh L đang ngủ dưới gầm giường phát hiện dùng 02 tay ôm lấy chân phải của H lại và tri hô trộm, H bỏ chạy kéo lê anh L. Nghe tiếng tri hô, Trang thức dậy nhìn thấy L và H đang giằng co nhau trong phòng, T liền cầm quạt điện đánh vào người H. L và H tiếp tục giằng co nhau ra đến hành lang dãy trọ thì Hùng ném chiếc điện thoại mới trộm cắp được ra trước cách cửa phòng L khoảng 1m. Sau đó, L cùng mọi người bắt giữ H giao cho Công an thị trấn H đến lập biên bản phạm tội quả tang và chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, H khai nhận vào lúc 03 giờ ngày 13/10/2020, H đi bộ đến dãy trọ của ông Nguyễn Văn Q tại khu P, thị trấn H, huyện N, H chiếm đoạt 01 đôi

dép xộp hiệu Asia của anh Bùi Thanh D thì bị phát hiện, bắt giữ giao cho Công an thị trấn H lập biên bản.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng đã bị bể góc trái màn hình và một vết nứt kéo dài từ góc phải bên trên xuống dưới bên trái của anh Phan Duy L; 01 quạt đứng hiệu TPFAN model B241 của anh Phan Duy L và 01 đôi dép xộp màu trắng hiệu Asia của anh Bùi Thanh D. (đã được trả lại cho các bị hại).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 243/KLĐG- HĐĐG ngày 23/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng có giá trị là 4.160.000đ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG- HĐĐG ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N xác định: 01 đôi dép xộp màu trắng hiệu Asia có giá trị là 63.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Văn H chiếm đoạt là 4.223.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT.VKS-NT ngày 06/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 16 đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo H chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho các bị hại và các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

Bị cáo Nguyễn Văn H chỉ thừa nhận có chiếm đoạt 01 đôi dép hiệu Asia của anh Bùi Thanh D nhưng không thừa nhận hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 của anh Phan Duy L.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa: Bị cáo chỉ thừa nhận hành vi trộm cắp đôi dép của anh D, không thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với hành vi trộm cắp đôi dép.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không

có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng: Bị hại Phan Duy L, Bùi Thanh D và người làm chứng là chị Nguyễn Thị Hà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh L và anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy anh D, anh L và chị T đã có lời khai tại hồ sơ nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D, anh L và chị T.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H chỉ thừa nhận có chiếm đoạt 01 đôi dép hiệu Asia của anh Bùi Thanh D nhưng không thừa nhận hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 của anh Phan Duy L.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận vào lúc 03 giờ ngày 20/12/2021 H có nhìn vào phòng trọ số 13 của anh Phan Duy L và chị Nguyễn Thị Hà T với mục đích tìm người quen tên Bảo. Bị cáo đang tìm Bảo thì bị L nhảy ra giữ lại và cho rằng H trộm cắp điện thoại nên H chống đối, giằng co, xô xát với anh L. Bị cáo H không thừa nhận hành vi đã chiếm đoạt điện thoại của anh L.

Anh L xác định, bị cáo H đã đẩy cửa phòng trọ của anh và tiến đến sát giường để chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 7, khi đó anh L đang nằm ở gầm giường và giữ chân của bị cáo H, bị cáo kéo lê anh L ra cửa phòng và ném chiếc điện thoại Iphone 7 xuống đất làm hư hỏng chiếc điện thoại của anh L. Khi đó, có chị T ở cùng phòng thức dậy và nhìn thấy H đang xô xát với anh L nên cầm cái quạt quơ trúng bị cáo H. Lời khai của anh L và chị T phù hợp với tang vật thu được là chiếc điện thoại bị bể màn hình, cái quạt bị hư hỏng là có thật.

Tại phiên tòa, bị cáo Hùng thừa nhận bị cáo không quen biết, không có mâu thuẫn hay tranh chấp gì với anh Phan Duy L và chị Nguyễn Thị Hà T nên Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của bị hại và người làm chứng là khách quan, đúng diễn biến thực tế đối với hành vi của bị cáo H. Xét khai nại của H tại phiên tòa là mâu thuẫn với chính lời khai bị cáo, nếu bị cáo không có hành vi chiếm đoạt điện thoại thì lúc bị bắt giữ, bị cáo đã không chống đối, xô xát với anh L và đe dọa anh L về việc bị cáo bị HIV nếu không buông bị cáo ra bị cáo sẽ cắn. Hành vi ném điện thoại và xô xát chống đối của bị cáo Hùng nhằm tẩu thoát, phi tang chứng cứ với mục đích trốn tránh trách nhiệm hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị cáo, bị hại và người làm chứng thì có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 13/10/2020, tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 đôi dép xỏ hiệu Asia của anh Bùi Thanh D có giá trị là 63.000đ. Vào lúc 03 giờ ngày 20/12/2020, tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 7 của anh Phan Duy L có giá trị là

4.160.000đ thì bị anh L và chị T phát hiện và bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.223.000đ.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo H nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã bị bắt phạm tội quả tang nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện thái độ chống đối, ngoan cố, không biết nhận lỗi của mình để sửa chữa, khắc phục. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo khai không có việc làm và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Hùng chiếm đoạt đã thu hồi trả cho các bị hại và các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

[9] Đối với ý kiến của bị cáo H khai bị gây tay khi trước khi xảy ra xô xát với anh L thì không liên quan đến vụ án này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2020.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm